

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

PHÒNG ĐKSX

NGÀY 12 THÁNG 4 NĂM 2026

STT	Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
	<b>TỔNG CỘNG</b>						<b>673 241</b>	<b>284 998</b>	<b>353 935</b>			
<b>I</b>	<b>CẢNG CHÍNH</b>						<b>158 369</b>	<b>40 197</b>	<b>79 664</b>			
	<i>Tàu đã làm hàng (trong cầu)</i>						<b>30 679</b>	<b>30 605</b>	<b>74</b>			
1	ĐẠM NINH BÌNH	09/4	240/4	24/4	NB 8218	CẨM 4A.1	3 100	3 060	40	10/4	HỘ LỚN	MỒN: 3.058,34
2	KDT MIỀN BẮC	08/4	949/4	18/4	VTA OCEANUS	CẨM 5A.1	10 700	10 700		12/4	PTCB	
3	KDT MIỀN BẮC	08/4	949/4	18/4	VTA OCEANUS	CẨM 6A.1	5 200	5 192	8	12/4	PTCB	
4	KDT MIỀN BẮC	08/4	949/4	18/4	VTA OCEANUS	CẨM 6B.1	5 700	5 696	4	12/4	PTCB	
5	COALIMEX	09/4	966/4	19/4	HD 1889	CẨM 5A.1	1 892	1 888	4	12/4	PTCB	
6	SÔNG HỒNG	06/4	937/4	13/4	BN 2633	CẨM 4B.1	1 837	1 829	8	10/4	TD	
7	VINA CARBON	11/4	984/4	18/4	BN 1666	CẨM 1	1 000	997	3	12/4	TD	
8	THẮNG CƯỜNG	12/4	987/4	19/4	HN 2089	CỤC 4A.1	1 250	1 243	7	12/4	TD	
	<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>						<b>42 000</b>	<b>9 592</b>	<b>32 408</b>			
1	ĐIỆN VĨNH TÂN 1	10/4	237-B/4		VIỆT THUẬN 30-05	CẨM 6A.1	29 400	8 784	20 616	RÓT DỖ	HỘ LỚN	
2	NHÔM ĐÁK NÔNG	11/4	979/4	21/4	VINACOMIN CẨM PHẢ	CỤC 4A.2	2 700		2 700		BAUXIT	RÓT KHOANG MŨI
3	NHÔM ĐÁK NÔNG	11/4	979/4	21/4	VINACOMIN CẨM PHẢ	CẨM 5A.1	2 800		2 800		BAUXIT	RÓT KHOANG GIỮA
4	NHÔM ĐÁK NÔNG	11/4	979/4	21/4	VINACOMIN CẨM PHẢ	CẨM 5A.1	2 900		2 900		BAUXIT	RÓT KHOANG LÁI
5	KDT BẮC TRUNG BỘ	11/4	980/4	21/4	HÙNG DŨNG 10 (HN 2185)	CẨM 5A.1	1 000		1 000		PTCB	
6	KDT BẮC TRUNG BỘ	11/4	980/4	21/4	HÙNG DŨNG 10 (HN 2185)	CẨM 5B.1	2 000		2 000		PTCB	
7	VTA	06/4	936/4	13/4	BN 1883	CỤC XÔ 1C	1 200	808	392	RÓT DỖ	TD	
	<i>Tàu đã làm lệnh (trong cầu)</i>						<b>47 182</b>		<b>47 182</b>			
1	ĐIỆN VĨNH TÂN 1	10/4	244/4		HẢI NAM 88	CẨM 6A.1	23 000		23 000		HỘ LỚN	
2	KDT MIỀN BẮC	08/4	952/4	18/4	HD 6385	CẨM 5A.1	2 700		2 700		PTCB	
3	KDT MIỀN BẮC	10/4	971/4	20/4	HP 6816	CẨM 5B.1	2 590		2 590		PTCB	
4	KDT MIỀN BẮC	11/4	981/4	21/4	NB 8348	CẨM 5A.1	2 360		2 360		PTCB	
5	KDT MIỀN BẮC	11/4	982/4	21/4	BN 2899	CẨM 5A.1	2 836		2 836		PTCB	
6	KDT MIỀN BẮC	12/4	993/4	22/4	HP 6559	CẨM 5A.1	1 636		1 636		PTCB	
7	KDT MIỀN BẮC	12/4	994/4	22/4	NB 8857	CẨM 5A.1	3 100		3 100		PTCB	
8	KDT MIỀN BẮC	12/4	995/4	22/4	HY 0636	CẨM 5A.1	2 700		2 700		PTCB	
9	ĐTTM&DV	07/4	947/4	14/4	HP 5097	CỤC XÔ 1C	1 030		1 030		TD	
10	VTT	10/4	970/4	17/4	HD 2225	CỤC XÔ 1C	930		930		TD	
11	DVVT QN	11/4	985/4	18/4	BN 1826	CỤC XÔ 1C	1 100		1 100		TD	
12	KDT BẮC TRUNG BỘ	12/4	991/4	19/4	NB 6488	CẨM 4B.1	1 000		1 000		TD	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

BÁO CÁO THÔNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

PHÒNG ĐKSX

NGÀY 12 THÁNG 4 NĂM 2026

STT	Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
13	VĨNH THẮNG	12/4	988/4	19/4	BN 0679	CUC 5A.1	1 200		1 200		TD	
14	VTT	12/4	998/4	19/4	HP 6400	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	
	<b>Tàu chuyển tải</b>						<b>214 550</b>	<b>116 361</b>	<b>98 189</b>			
	<b>Tàu đã làm hàng</b>						<b>28 600</b>	<b>28 570</b>	<b>30</b>			
1	ĐIỆN VĨNH TÂN 2	05/4	219-B/4		HẢI NAM 39	CÁM 6A.14	28 600	28 570	30	10/4	HỘ LỚN	KDTC: 7.140,22 - KVCP: 21.430,17
	<b>Tàu dự kiến rót trong ngày</b>						<b>120 250</b>	<b>87 791</b>	<b>32 459</b>			
1	ĐIỆN VĨNH TÂN 2	08/4	234-B/4		HẢI NAM 79	CÁM 6A.14	27 450	27 452	- 2	RÓT DỖ	HỘ LỚN	TTCO:10.001,66 - CLM:7.000 - KVCP:10.450
2	ĐIỆN DUYÊN HẢI	05/4	229/4		VIỆT THUẬN 26-02	CÁM 5B.14	23 800	9 290	14 510	RÓT DỖ	HỘ LỚN	TTHG: 13.800 - KDTC: 10.000
3	ĐIỆN VĨNH TÂN 1	06/4	233/4		VIỆT THUẬN OCEAN	CÁM 6A.1	46 200	30 099	16 101	RÓT DỖ	HỘ LỚN	TTCO: 25.299,17 - TTHG: 15.000 - KVCP: 6.200
4	ĐIỆN VŨNG ÁNG	08/4	232-B/4		VIỆT THUẬN 235	CÁM 5A.10	22 800	20 950	1 850	RÓT DỖ	HỘ LỚN	TTCO: 9.938,88 - CLM:5.000 - KVDB:7.800
	<b>Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)</b>						<b>65 700</b>		<b>65 700</b>			
1	ĐIỆN DUYÊN HẢI	10/4	246/4		QUANG VINH DIAMOND	CÁM 5B.14	19 900		19 900		HỘ LỚN	TTHG: 9.900 - KDTC: 10.000
2	ĐIỆN VĨNH TÂN 1	10/4	247/4		VIỆT THUẬN 215-06	CÁM 6A.1	20 650		20 650		HỘ LỚN	TTHG: 16.000 - KVCP: 4.650
3	ĐIỆN VĨNH TÂN 1	10/4	248/4		VIỆT THUẬN 235-02	CÁM 6A.1	25 150		25 150		HỘ LỚN	TTHG: 20.000 - KVCP: 5.150
<b>II</b>	<b>KHO G9-HÓA CHẤT</b>						<b>61 192</b>	<b>19 276</b>	<b>41 916</b>			
	<b>Tàu đã làm hàng</b>						<b>17 896</b>	<b>16 963</b>	<b>933</b>			
1	SÔNG HỒNG	09/4	965/4	15/4	BN 0719	DON 8C	1 160	1 140	20	10/4	TD	NGUỒN HL
2	TRƯỜNG ANH 888	05/4	921/4	12/4	BN 1829	CÁM 8A	1 620	1 108	512	10/4	TD	NGUỒN CS
3	XDCN MỎ	08/4	856/3	15/4	BN 0869	CUC 1B	1 100	1 092	8	11/4	TD	NGUỒN ĐN-CS
4	DVVT QN	05/4	925/4	12/4	HD 2099	CÁM 8A	1 950	1 931	19	11/4	TD	NGUỒN CS
5	DVVT QN	10/4	969/4	17/4	HD 2266	CÁM 7B	1 950	1 944	6	11/4	TD	NGUỒN CS
6	SXTM TUB	10/4	973/4	17/4	HD 2115	CÁM 7C	1 500	1 485	15	11/4	TD	NGUỒN CS
7	THAN MIỀN TRUNG	08/4	874/4	15/4	THỦY ĐIỆN 68	CUC 1A	1 000	991	9	12/4	TD	NGUỒN ĐN-CS
8	TNK MV AOM MARIA LAURA	09/4	1 750		QNL-TĐ 04	TNK (ÚC)	5 316	5 053	263	12/4		
9	TNK MV AOM MARIA LAURA	08/4	1 750		CỬA ÔNG 09	TNK (ÚC)	2 300	2 219	81	10/4		
	<b>Tàu dự kiến rót trong ngày</b>						<b>7 200</b>	<b>2 313</b>	<b>4 888</b>			
1	VTT	12/4	992/4	19/4	VIỆT THUẬN TĐ 12A	CÁM 4A.1	5 000	2 313	2 688	RÓT DỖ	TD	NGUỒN CS
2	MẶT TRỜI VIỆT NB	08/4	960/4	15/4	NB 8902	CÁM 8A	2 200		2 200		TD	NGUỒN ĐN-CS
	<b>Tàu đã làm lệnh</b>						<b>36 096</b>		<b>36 096</b>			
1	ĐT TM &DV	07/4	941/04	14/4	PHÚC THỊNH 18	CÁM 8A	940		940		PTCB	NGUỒN ĐN-CS
2	ĐT TM &DV	07/4	941/04	14/4	PHÚC THỊNH 18	CUC 1B	1 000		1 000		PTCB	NGUỒN TN
3	KDT HÀ NỘI	06/4	929/04	13/4	BN 2519	CUC 1A	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-CS

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 12 THÁNG 4 NĂM 2026

STT	Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
4	V TRACO	06/4	930/04	13/4	BN 0988	CUC 1A	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-CS
5	ĐTTM&DV	06/4	931/04	13/4	BN 2388	CUC 1A	1 350		1 350		TD	NGUỒN ĐN-CS
6	ĐTTM&DV	08/4	901/4	15/4	BN 1336	DON 8C	1 020		1 020		TD	NGUỒN HL
7	ĐT TM &DV	07/4	943/04	14/4	BN 1997	CUC 1B	1 050		1 050		TD	NGUỒN ĐN-CS
8	XNK THAN	07/4	944/04	14/4	BN 1135	CUC 1B	910		910		TD	NGUỒN ĐN-CS
9	VT QUẢNG NINH	07/4	945/04	14/4	BN 0718	CUC 1B	1 100		1 100		TD	NGUỒN ĐN-CS
10	ĐT TM &DV	07/4	946/04	14/4	BN 1386	CUC 1B	1 166		1 166		TD	NGUỒN ĐN-CS
11	CROMIT	08/4	866/3	15/4	NB 8530	CUC 1B	1 200		1 200		TD	NGUỒN ĐN-CS
12	VTT	08/4	962/4	15/4	NGÃN SƠN 39	CUC 1B	2 050		2 050		TD	NGUỒN ĐN-CS
13	CẦU ĐUÔNG	09/4	967/4	16/4	BN 0937	CUC 1A	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-CS
14	DVVT QN	12/4	997/4	19/4	BN 1856	CUC 1B	1 100		1 100		TD	NGUỒN TN
15	DVVT QN	08/4	958/4	15/4	BN 1758	DON 8C	1 100		1 100		TD	NGUỒN HL
16	THAN MIỀN TRUNG	10/4	974/4	17/4	NAM THỊNH 26	CÁM 7A	2 000		2 000		TD	NGUỒN ĐN-CS
17	THAN MIỀN TRUNG	10/4	978/4	17/4	VIỆT TRUNG 68	CÁM 8A	1 980		1 980		TD	NGUỒN ĐN-CS
18	THAN MIỀN NAM	11/4	986/4	18/4	VIỆT PHỦ 18	CÁM 8A	3 150		3 150		TD	NGUỒN ĐN-CS
19	TNK MV AOM MARIA LAURA	06/4	1 709		V-TRACO 27	TNK ÚC	3 900		3 900			
20	TNK MV KRENOM	10/4	1 790		CỬA ÔNG 05	TNK (ÚC)	2 100		2 100			
21	TNK MV KRENOM	10/4	1 790		CỬA ÔNG 15	TNK (ÚC)	2 100		2 100			
22	TNK MV KRENOM	11/4	1 807		CẨM PHẢ 22	TNK (ÚC)	3 880		3 880			
<b>III</b>	<b>KHO BẢO NGUYÊN</b>						<b>11 896</b>	<b>4 888</b>	<b>7 008</b>			
	<i>Tàu đã làm hàng</i>						<b>4 900</b>	<b>4 888</b>	<b>12</b>			
1	ĐIỆN PHẢ LẠI	09/4	241/4	24/4	QN 4113	CÁM 5B.10	1 716	1 709	7	10/4	HỘ LỚN	
2	ĐIỆN PHẢ LẠI	09/4	242/4	24/4	HD 5866	CÁM 5B.10	3 184	3 179	5	11/4	HỘ LỚN	
	<i>Tàu dự kiến rót trong ngày</i>											
	<i>Tàu đã làm lệnh</i>						<b>6 996</b>		<b>6 996</b>			
1	ĐIỆN PHẢ LẠI	01/4	223/4	15/4	TĐ 03-1	CÁM 5A.14	2 276		2 276		HỘ LỚN	
2	ĐIỆN PHẢ LẠI	11/4	249/4	26/4	HN 2269	CÁM 5B.10	4 720		4 720		HỘ LỚN	
<b>IV</b>	<b>KHO CẢNG KM6</b>						<b>11 647</b>	<b>11 375</b>	<b>272</b>			
	<i>Tàu đã làm hàng</i>						<b>10 647</b>	<b>10 586</b>	<b>61</b>			
1	KDT HẢI PHÒNG	10/4	972	20/4	HP 6863	CÁM 6A.1	2 310	2 299	11	10/4	PTCB	
2	KDT BẮC TRUNG BỘ	10/4	976	20/4	NB 8611	CÁM 5B.1	3 100	3 091	9	11/4	PTCB	
3	KDT MIỀN BẮC	11/4	983	21/4	BN 1988	CÁM 6A.1	1 400	1 394	6	11/4	PTCB	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 12 THÁNG 4 NĂM 2026

STT	Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng		
4	SXTM TUB	10/4	968	17/4	BN 2058	DON 8A	1 100	1 088	12	12/4	PTCB		
5	VTT	06/4	932	13/4	BN 1368	DON 8A	1 050	1 036	14	10/4	TD	NGUỒN QH	
6	DVVT QUẢNG NINH	08/4	956	18/4	BN 2556	BÚN 3C	1 687	1 678	9	10/4	TD	NGUỒN QH	
<b>Tàu dự kiến rút trong ngày</b>							<b>1 000</b>	<b>789</b>	<b>211</b>				
1	VTT	10/4	975	17/4	BN 0567	DON 8A	1 000	789	211	RÓT ĐỔ	PTCB		
<b>Tàu đã làm lệnh</b>													
<b>V</b>	<b>TÀU XUẤT KHẨU</b>							<b>132 500</b>	<b>69 160</b>	<b>63 340</b>			
<b>Tàu đã làm hàng</b>							<b>55 000</b>	<b>55 000</b>					
1	NHẬT BẢN	03/4	30/4/XX		MV BRITAIN BAY	CÁM 3B.1	50 000	50 000		11/4			
2	THÁI LAN	09/4	32/4/XX		MV BROTHER 16	CỤC 4B.3	5 000	5 000		13/4		THAY 25/3/XX	
<b>Tàu dự kiến rút trong ngày</b>							<b>20 000</b>	<b>14 160</b>	<b>5 840</b>				
1	INDONESIA	02/4	29/4/XX		MV YONG DINH HIE	CỤC 5B.2	20 000	14 160	5 840	RÓT ĐỔ			
<b>Tàu đã làm lệnh</b>							<b>57 500</b>		<b>57 500</b>				
1	BỈ	08/4	31/4/XX		MV ZHENG ZHI	CỤC 2B.2	20 000		20 000				
2	BỈ	08/4	31/4/XX		MV ZHENG ZHI	CỤC 4A.3	10 000		10 000				
3	BỈ	08/4	31/4/XX		MV ZHENG ZHI	CỤC 4B.3	10 000		10 000				
4	BỈ	08/4	31/4/XX		MV ZHENG ZHI	CỤC 5A.1	7 500		7 500				
5	BỈ	08/4	31/4/XX		MV ZHENG ZHI	CÁM 1	10 000		10 000				
<b>VI</b>	<b>TÀU NHẬP KHẨU</b>		<b>ĐƠN VỊ ĐIỀU HÀNH</b>				<b>83 087</b>	<b>23 740</b>	<b>63 547</b>				
<b>Tàu đã làm hàng</b>							<b>20 000</b>	<b>19 540</b>	<b>460</b>				
1	ÚC		TMB		MV AOM MARIA LAURA		20 000	19 540	460	10/4		KVCP: 9.363,45 - TTCO: 10.176,34	
<b>Tàu dự kiến rút trong ngày</b>							<b>8 087</b>	<b>4 200</b>	<b>8 087</b>				
1	ÚC		CLM		MV KRENOM		8 087	4 200	8 087	BỐC ĐỔ		KVCP: 8.087	
<b>Tàu đã làm lệnh</b>							<b>55 000</b>		<b>55 000</b>				
1	ÚC		CLM		MV GOLDEN FUTURE		45 000		45 000			TTCO: 30.000 - KVCP: 15.000	
2	ÚC		CLM		MV MP POSTP ANAMAX 1		10 000		10 000			KVCP: 10.000	